

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31/3/2023

V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ An Quân và ông Nguyễn Thanh Sơn.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Hồng Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 112/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12A/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị N**, sinh năm 1993; ĐKKHKT: Khu 13 phường C, thành phố HD, tỉnh Hải Dương; Hiện cư trú tại: Số 142 Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh **Trần Minh T**, sinh năm 1986; ĐKKHKT và hiện cư trú: Số 01/31 Lê Viết Q, khu 13, phường C, thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

Chị N, anh T đều vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn đề nghị của nguyên đơn chị Vũ Thị N, thể hiện: Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Minh T được tự do tìm hiểu nhau một năm thì cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố HD ngày 15/3/2011. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc khoảng chín năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh T không còn. Do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Vợ chồng chị có 03 con chung là cháu Trần Thu P, sinh ngày 18/7/2011, Trần Khánh C, sinh ngày 28/01/2014, Trần Minh Q, sinh ngày 27/4/2018. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu C cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu P, cháu Q

cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi cháu C. Anh T tự nguyện không yêu cầu chị cấp dưỡng tiền nuôi cháu Q và yêu cầu chị cấp dưỡng tiền nuôi cháu P 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi, chị đồng ý; Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp với gia đình hai bên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại bản tự khai, đơn đề nghị của bị đơn anh Trần Minh T, thể hiện: Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất như phần trình bày của chị N. Sau khi kết hôn anh, chị sống hạnh phúc khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do không tìm được tiếng nói chung. Đến nay anh xác định không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống cùng chị N. Anh đề nghị giải quyết cho ly hôn; Vợ chồng anh chị có 03 con chung thống nhất như quan điểm chị N. Anh đề nghị Tòa án giao cháu P và cháu Q cho anh nuôi dưỡng, giao cháu C cho chị N nuôi dưỡng. Anh yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi cháu P 2.000.000đ/tháng và tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi cháu Q. Vợ chồng anh chị không có tài sản chung. Anh xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại đơn đề nghị của cháu Trần Khánh C thể hiện cháu có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ cháu ly hôn. Tại đơn đề nghị của cháu Trần Thu P thể hiện cháu có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, T diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh T hiện cư trú tại thành phố HD. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị N, anh T đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị N, anh T là phù hợp quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Vũ Thị N và anh Trần Minh T được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố HD ngày 15/3/2011. Do vậy quan hệ hôn nhân của chị N, anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không có sự tin tưởng nhau trong cuộc sống. Chị N, anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đều đề nghị giải quyết cho ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của chị N, anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N xử cho chị N ly hôn anh T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Trần Thu P, sinh ngày 18/7/2011, Trần Khánh C, sinh ngày 28/01/2014, Trần Minh Q, sinh ngày 27/4/2018. Chị N, anh T đã thống nhất đề nghị Tòa án giao cháu P, cháu Q cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu C cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị N, anh T tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu C, cháu Q. Anh T yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi cháu P 2.000.000đ/tháng, chị N đồng ý. Cháu C có nguyện vọng ở cùng chị N, cháu P có nguyện vọng ở cùng anh T khi bố mẹ ly hôn. Do vậy, cần giao cháu C cho chị N, giao cháu P, cháu Q cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, chấp nhận sự tự nguyện của chị N, anh T không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi cháu C, cháu Q. Chị N có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi cháu P 2.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung, công sức*: Vợ chồng xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] *Về án phí*: Chị N xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật. Chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con nên phải chịu án phí do có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, 82, 83, 110, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị N.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Vũ Thị N ly hôn anh Trần Minh T.

- *Về nuôi con chung*: Xử giao cháu Trần Khánh C, sinh ngày 28/01/2014 cho chị Vũ Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Trần Thu P, sinh ngày 18/7/2011 và cháu Trần Minh Q, sinh ngày 27/4/2018 cho anh Trần Minh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N, anh T không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi cháu C, cháu Q. Chị N có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi cháu P 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Chị N, anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu chị N chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

- *Về án phí*: Chị Vũ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0002598 ngày

24/02/2023 của C cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Chị N đã thực hiện xong án phí ly hôn sơ thẩm. Chị N còn phải chịu 300.000đ án phí do có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị Vũ Thị N và anh Trần Minh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Dương;
- C cục THADS TP. Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND phường C, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương để lưu hồ tịch (ĐKKH: 15/3/2011);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhan